

- Gọi học sinh đọc và trả lời 1 câu hỏi về nội dung bài vừa đọc.

- Gọi học sinh nhận xét bài bạn vừa đọc.

- Tuyên dương học sinh đọc tốt.

+ Chú ý: Tùy theo số lượng và chất lượng học sinh của lớp được kiểm tra đọc. Nội dung này sẽ được tiến hành trong các tiết 1, 2, 3, 4, 5 của tuần này.

**Việc 2: Ôn luyện cách đặt và trả lời câu hỏi: Ở đâu?**

**Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**

+GV giao nhiệm vụ cho HS

+TBHT điều hành HĐ chia sẻ:

- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?

- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về nội dung gì?

- Hãy đọc câu văn trong phần a.

- Hoa phượng vĩ nở đỏ rực ở đâu?

- Vậy bộ phận nào trả lời cho câu hỏi “Ở đâu?”

- Yêu cầu học sinh tự làm phần b.

**Bài 3: Làm việc cặp đôi – Chia sẻ trước lớp**

- Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu của bài.

+TBHT điều hành HĐ chia sẻ:

- Gọi học sinh đọc câu văn trong phần a.

- Bộ phận nào trong câu văn trên được in đậm?

- Bộ phận này dùng để chỉ điều gì? Thời gian hay địa điểm?

- Vậy ta phải đặt câu hỏi cho bộ phận này như thế nào?

( Lưu ý: Yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau cùng thực hành hỏi đáp theo yêu cầu. Sau đó, gọi 1 số cặp học sinh lên trình bày trước lớp).

+ Tổ chức cho học sinh nhận xét phần bài làm của nhóm bạn.

+ Nhận xét và tuyên dương học sinh.

- Đọc và trả lời câu hỏi.

- Theo dõi và nhận xét.

+HS thực hiện theo YC -> chia sẻ:

-Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi: “Ở đâu?”

- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về địa điểm (nơi chốn).

- Đọc: Hai bên bờ sông, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.

- Hai bên bờ sông.

- Hai bên bờ sông.

- *trên những cành cây.*

+ Làm việc N2 => chia sẻ:

+Dự kiến ND chia sẻ:

- Đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm.

- Hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ sông.

- Bộ phận “hai bên bờ sông”.

- Bộ phận này dùng để chỉ địa điểm.

- Câu hỏi: Hoa phượng vĩ nở đỏ rực ở đâu?/ Ở đâu hoa phượng vĩ nở đỏ rực?

- Một số học sinh trình bày, cả lớp theo dõi và nhận xét.

Dự kiến đáp án:

b) Ở đâu trăm hoa khoe sắc?/ Trăm hoa khoe sắc ở đâu?

- Học sinh nhận xét.

- Học sinh nghe.

- Học sinh nghe.

<p><b>Việc 3: Ôn luyện cách đáp lời xin lỗi của người khác:</b>  <b>Bài 4: Làm việc cặp đôi – Chia sẻ trước lớp</b>  - Bài tập yêu cầu các em đáp lời xin lỗi của người khác.  - Yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau, suy nghĩ để đóng vai thể hiện lại từng tình huống, 1 học sinh nói lời xin lỗi, 1 học sinh đáp lại lời xin lỗi. Sau đó gọi 1 số cặp học sinh trình bày trước lớp.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nhận xét.  - Giáo viên đánh giá.</p>	<p>- Học sinh làm bài:  <b>Dự kiến ND chia sẻ:</b>  a) Không có gì. Lần sau bạn nhớ cẩn thận hơn nhé./ Không có gì, mình về giặt là áo lại trắng thôi./ Bạn nên cẩn thận hơn nhé./ Thôi không sao./...  b) Thôi không có đâu./ Em quên mất chuyện ấy rồi./ Lần sau chị nên suy xét kĩ hơn trước khi trách người khác nhé./ Không có gì đâu, bây giờ chị hiểu em là tốt rồi./...  c) Không sao đâu bác./ Không có gì đâu bác ạ./...  - Học sinh nhận xét.</p>
<p><b>3. HĐ vận dụng, ứng dụng (3 phút)</b></p>	
<p>- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về nội dung gì?  - Khi đáp lại lời cảm ơn của người khác, chúng ta cần phải có thái độ như thế nào?</p>	<p>- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về địa điểm.  - Chúng ta thể hiện sự lịch sự, đúng mực, nhẹ nhàng, không chê trách nặng lời vì người gây lỗi đã biết lỗi rồi.</p>
<p><b>4. HĐ sáng tạo (2 phút)</b>  - Đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm:  + Ngày hôm sau, Sơn Tinh mang lễ vật đến trước và được đón dâu về.  + Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh <b>suốt cả mùa mưa lũ.</b>  - Nhận xét tiết học.  - Dẫn dò học sinh về nhà ôn lại kiến thức về mẫu câu hỏi “Ở đâu?” và cách đáp lời xin lỗi của người khác. Dẫn học sinh về nhà xem trước bài: <b>Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 4)</b></p>	

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
.....

.....  
**TIẾNG VIỆT**  
**ÔN TẬP ( Tiết 4)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).
- Nắm được một từ về chim chóc (bài tập 2); viết được một đoạn văn ngắn về một loại chim hoặc gia cầm (bài tập 3).

**2. Kỹ năng:** Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26 (phát âm rõ ràng tốc độ khoảng 45 tiếng/phút).

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

## II. CHUẨN BỊ:

### 1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng từ tuần 19 đến tuần 26. Câu hỏi về chim chóc để chơi trò chơi, 4 lá cờ.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

### 2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, T.C học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút, động não.

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. HĐ khởi động: (5 phút)</b>	
<p>- GV kết hợp với Ban học tập tổ chức cho học sinh trò chơi: <b>Đố bạn:</b></p> <p>- TBHT đọc câu văn để học sinh đặt câu hỏi, dạng “Ở đâu?”:</p> <p>+ Từng đàn chim bay lượn trên bầu trời.</p> <p>+ Những lộc non đang hé trên các cành cây.</p> <p>+ Mọi người đang xếp hàng dài ở ngoài hành lang.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.</p> <p>- GV kết nối nội dung bài và tựa bài: <b>Ôn tập (Tiết 4).</b></p>	<p>- Học sinh chủ động tham gia chơi.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh nhắc lại tên bài và mở sách giáo khoa.</p>
<b>2. HĐ Hướng dẫn học sinh ôn tập: (25 phút)</b>	
<b>*Mục tiêu:</b>	
<p>- Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26 (phát âm rõ ràng tốc độ khoảng 45 tiếng/phút); hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).</p> <p>- Nắm được một từ về chim chóc (bài tập 2); viết được một đoạn văn ngắn về một loại chim hoặc gia cầm (bài tập 3).</p>	
<b>*Cách tiến hành:</b>	
<b>Việc 1: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng:</b>	
<b>Làm việc cá nhân</b>	
<p>- Cho học sinh lên bảng gấp thăm bài đọc.</p> <p>- Gọi học sinh đọc và trả lời 1 câu hỏi về nội dung bài vừa đọc.</p> <p>- Gọi học sinh nhận xét bài bạn vừa đọc.</p> <p>- Tuyên dương học sinh đọc tốt.</p> <p>- Chú ý: Tùy theo số lượng và chất lượng học sinh của lớp được kiểm tra đọc. Nội dung này sẽ</p>	<p>- Lần lượt từng học sinh gấp thăm bài, về chỗ chuẩn bị.</p> <p>- Đọc và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Theo dõi và nhận xét.</p>

được tiến hành trong các tiết 1, 2, 3, 4, 5 của tuần này.

**Việc 2: Trò chơi mở rộng vốn từ về chim chóc**

- Chia lớp thành 4 đội, phát cho mỗi đội một lá cờ.

- Phổ biến luật chơi: Trò chơi diễn ra qua 2 vòng.

+ *Vòng 1:* Giáo viên đọc lần lượt từng câu đố về các loài chim. Mỗi lần giáo viên đọc, các đội phát cờ để dành quyền trả lời, đội nào phát cờ trước được trả lời trước, nếu đúng được 1 điểm, nếu sai thì không được điểm nào, đội bạn được quyền trả lời.

+ *Vòng 2:* Các đội được quyền ra câu đố cho nhau. Đội 1 ra câu đố cho đội 2, đội 2 ra câu đố cho đội 3, đội 3 ra câu đố cho đội 4, đội 4 ra câu đố cho đội 5. Nếu đội bạn trả lời được thì đội ra câu đố bị trừ 2 điểm, đội giải đố được cộng 3 điểm. Nếu đội bạn không trả lời được thì đội ra câu đố giải đố và được cộng 2 điểm. Đội bạn bị trừ đi 1 điểm.

- Giáo viên tổng kết trò chơi, đội nào dành được nhiều điểm thì đội đó thắng cuộc.

**Việc 3: Viết một đoạn văn ngắn (từ 2 đến 3 câu) về một loài chim hay gia cầm mà em biết: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp***

- Gọi 1 học sinh đọc đề bài.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

- Hỏi: Em định viết về con chim gì?

- Hình dáng của con chim đó thế nào? (Lông nó màu gì? Nó to hay nhỏ? Cánh của nó thế nào...)

- Em biết những hoạt động nào của con chim đó? (Nó bay thế nào? Nó có giúp gì cho con người không...)

- Yêu cầu cả lớp làm bài vào

+ *TBHT điều hành HĐ chia sẻ*

- Yêu cầu 1 đến 2 học sinh đọc bài làm của mình.

- GV nhận xét, tuyên dương học sinh viết hay.

- Chia đội theo hướng dẫn của giáo viên.

\**TBHT điều hành trò chơi*

\* *Giải đố. Ví dụ:*

- Con gì biết đánh thức mọi người vào mỗi sáng? (*gà trống*)

- Con chim có mỏ vàng, biết nói tiếng người. (*vẹt*)

- Con chim này còn gọi là chim chiền chiện. (*son ca*)

- Con chim được nhắc đến trong bài hát có câu: “luống rau xanh sâu đang phá, có thích không...” (*chích bông*)

- Chim gì bơi rất giỏi, sống ở Bắc Cực? (*cánh cụt*)

- Chim gì có khuôn mặt giống với con mèo? (*cú mèo*)

- Chim gì có bộ lông đuôi đẹp nhất? (*công*)

- Chim gì bay lả bay la? (*cò*)

- 1 học sinh đọc

- HS thực hiện theo YC

- ...

- Học sinh làm bài.

- Học sinh nối tiếp nhau chia sẻ

- Học sinh đọc.

- Học sinh lắng nghe.

**3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)**

- Giáo viên chốt lại nội dung ôn tập

- Thi tìm và nói tên các con vật qua câu hỏi hoặc làm động tác:

VD: + Hỏi: Loài chim gì màu lông sặc sỡ, bắt chước tiếng người rất giỏi?  
 + Làm động tác: Vẫy hai cánh tay, sau đó 2 bàn tay chụm đưa lên miệng.

**4. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)**

- Viết đoạn văn khoảng 5, 7 câu về loài chim mà em yêu thích rồi đọc cho người thân nghe.
- Nhận xét, tuyên dương những học sinh tích cực.
- Dẫn dò học sinh về xem trước bài **Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 5)**

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

.....  
 .....

**THỂ DỤC:**

**ĐI THEO VẠCH KẼ THẲNG, 2 TAY CHỐNG HÔNG VÀ DANG NGANG.  
 TRÒ CHƠI TUNG VÒNG VÀO ĐÍCH**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Thực hiện cơ bản đúng động tác đi theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang.
- Bước đầu biết cách chơi và tham gia chơi được.

**2. Kỹ năng:** Rèn sức bền, dẻo, khéo léo. Tác phong nhanh nhẹn.

**3. Thái độ:** Có ý thức chấp hành, tuân thủ kỷ luật, tuân thủ luật chơi. Yêu thích vận động, thích tập luyện thể dục thể thao.

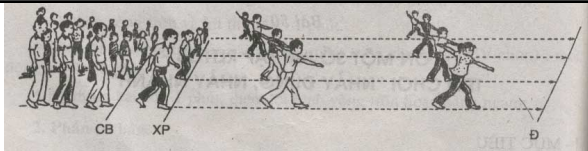
**4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL vận động cơ bản và phát triển các tố chất thể lực, NL hoạt động thể dục, thể thao, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL quan sát – Thực hành,...

**II/ ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:**

- Địa điểm : Sân trường. Vệ sinh an toàn nơi tập.
- Phương tiện: Còi.

**III/ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP:**

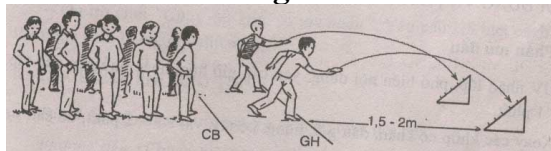
NỘI DUNG	ĐỊNH LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC
<p><b>I/ MỞ ĐẦU</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên: Nhận lớp phổ biến nội dung yêu cầu giờ học</li> <li>- Gọi 4 học sinh lên thực hiện lại động tác đã học ở tiết trước: Đi thường theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang</li> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> <li>- Quan sát, nhắc nhở học sinh khởi động các khớp: cổ, cổ tay, hông, gối,...</li> </ul>	4p	<p>Đội Hình</p> <p>* * * * * * * *</p> <p>* * * * * * * *</p> <p>* * * * * * * *</p> <p>* * * * * * * *</p>
<p><b>II/ CƠ BẢN:</b></p> <p><b>Việc 1: Đi theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang.</b></p>	26p 16p 2-3 lần	GV



- Phân tích lại kỹ thuật của động tác đồng thời kết hợp thi phạm cho học sinh nhớ lại kỹ thuật.
- Sau đó điều khiển cho học sinh thực hiện.
- HS luyện tập theo đơn vị nhóm
- Thi nội dung bài tập giữa các nhóm
- Quan sát, nhắc nhở.

*(Chú ý theo dõi đối tượng M1)*

**Việc 2: Trò chơi “vòng vào đích”**



- Phân tích lại và thi phạm cho học sinh nắm được cách chơi.
- Sau đó cho học sinh chơi thử.
- Nêu hình thức xử phạt.
- Tổ chức cho HS chơi thật

*(Khuyến khích đối tượng M1 tham gia tích cực)*

**III/ KẾT THÚC:**

- Học sinh đứng tại chỗ vỗ tay hát.
- Hướng dẫn cho học sinh các động tác thả lỏng toàn thân.
- Hệ thống lại bài học và nhận xét giờ học.
- Dẫn học sinh về nhà ôn các động tác đã học.

10p  
2-3 lần

5p

Đội hình xuống lớp

\* \* \* \* \*  
\* \* \* \* \*  
\* \* \* \* \*  
\* \* \* \* \*

GV

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
.....

**TOÁN**

**TIẾT 127: SỐ 0 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết được số 0 nhân với số nào cũng bằng 0 .
- Biết được số nào nhân với 0 cũng bằng 0.
- Biết số 0 chia cho số nào khác không cũng bằng 0.
- Biết không có phép chia cho 0.

**2. Kỹ năng:** Rèn cho học sinh kỹ năng tính nhẩm.

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

\*Bài tập cần làm: bài tập 1,2,3.

**4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

## II. CHUẨN BỊ:

### 1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bộ thực hành toán, bảng phụ.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

### 2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, T.C học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. HĐ khởi động: (3 phút)</b>	
<p>- CTHĐTQ điều hành trò chơi: <b>Bắn tên</b> + ND chơi: đưa ra một số phép tính để học sinh nêu đáp số:  <math>5 \times 6 \times 1</math>      <math>36 : 4 : 1</math>      <math>3 \times 1 \times 3</math>  <math>4 \times 7 \times 1</math>      <math>25 : 1 : 5</math>      <math>5 \times 7 \times 1</math></p> <p>- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi và tuyên dương những học sinh trả lời đúng và nhanh. - GV kết nối nội dung bài mới và ghi đầu bài lên bảng: <b>Số 0 trong phép nhân và phép chia.</b></p>	<p>- Học sinh chủ động tham gia chơi.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</p>
<b>2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)</b>	
<p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được số 0 nhân với số nào cũng bằng 0 .</li> <li>- Biết được số nào nhân với 0 cũng bằng 0.</li> <li>- Biết số 0 chia cho số nào khác không cũng bằng 0.</li> <li>- Biết không có phép chia cho 0.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành: Làm việc cả lớp</b></p>	
<p><b>Việc 1: Giới thiệu phép nhân có thừa số 0.</b></p> <p>- Dựa vào ý nghĩa phép nhân, giáo viên hướng dẫn học sinh viết phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau: +YC ,TBHT điều hành HĐ chia sẻ  <math>0 \times 2 = 0 + 0 = 0</math>, vậy <math>0 \times 2 = 0</math> Ta công nhận: <math>2 \times 0 = 0</math></p> <p>- YC học sinh nêu bằng lời: Hai nhân không bằng không, không nhân hai bằng không.  <math>0 \times 3 = 0 + 0 + 0 = 0</math>      vậy <math>0 \times 3 = 3</math> Ta công nhận: <math>3 \times 0 = 0</math></p> <p>- Cho học sinh nêu lên nhận xét để có: + Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0.</p> <p>+ Số nào nhân với 0 cũng bằng 0. ⇒ GV kết luận phép nhân có thừa số 0</p>	<p>- Học sinh viết phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau +HS tương tác, chia sẻ + Dự kiến ND chia sẻ  <math>0 \times 2 = 0</math>      <math>2 \times 0 = 0</math></p> <p>- Học sinh nêu: Hai nhân không bằng không, không nhân hai bằng không.</p> <p>- Học sinh nêu nhận xét: + Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0. + Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.</p>

<p><b>Việc 2: Giới thiệu phép chia có số bị chia là 0.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa vào mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện theo mẫu sau:</li> <li>- Mẫu: <math>0 : 2 = 0</math>, vì <math>0 \times 2 = 0</math></li> <li>- <math>0 : 3 = 0</math>, vì <math>0 \times 3 = 0</math></li> <li>- <math>0 : 5 = 0</math>, vì <math>0 \times 5 = 0</math></li> <li>- Cho học sinh tự kết luận: Số 0 chia cho số nào khác cũng bằng 0.</li> <li>- Giáo viên nhấn mạnh: Trong các ví dụ trên, số chia phải khác 0.</li> <li>- Giáo viên nêu chú ý quan trọng: Không có phép chia cho 0.</li> <li>Chẳng hạn: Nếu có phép chia <math>5 : 0 = ?</math> không thể tìm được số nào nhân với 0 để được 5 (điều này không nhất thiết phải giải thích cho học sinh).</li> <li><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></li> <li><math>\Rightarrow</math> GV kết luận phép chia có số bị chia là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hiện theo mẫu:</li> <li>- <math>0 : 2 = 0</math>, vì <math>0 \times 2 = 0</math> (thương nhân với số chia bằng số bị chia)</li> <li>- Học sinh làm: <math>0 : 3 = 0</math>, vì <math>0 \times 3 = 0</math> (thương nhân với số chia bằng số bị chia)</li> <li>- <math>0 : 5 = 0</math>, vì <math>0 \times 5 = 0</math> (thương nhân với số chia bằng số bị chia)</li> <li>- Học sinh tự kết luận: Số 0 chia cho số nào khác cũng bằng 0.</li> <li>- Học sinh lắng nghe.</li> <li>- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.</li> </ul>
<p><b>3. HĐ thực hành: (14 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được số 0 nhân với số nào cũng bằng 0 .</li> <li>- Biết được số nào nhân với 0 cũng bằng 0.</li> <li>- Biết số 0 chia cho số nào khác không cũng bằng 0.</li> <li>- Biết không có phép chia cho 0.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hành</li> <li>- GV trợ giúp HS hạn chế</li> </ul> <p><b>-TBHT điều hành HĐ chia sẻ</b></p> <p><b><u>Bài 1:</u> Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả.</li> <li>- Nhận xét bài làm học sinh.</li> </ul> <p><b><u>Bài 2:</u> Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> <li>-Thực hiện theo YC của trưởng nhóm</li> <li>- Học sinh làm bài</li> <li><b>*Dự kiến ND- KQ chia sẻ:</b></li> <li>- Học sinh cùng tương tác</li> <li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> <li>- Học sinh nối tiếp nêu kết quả:  <math>0 \times 4 = 0</math>   <math>0 \times 2 = 0</math>   <math>0 \times 1 = 0</math>  <math>4 \times 0 = 0</math>   <math>2 \times 0 = 0</math>   <math>1 \times 0 = 0</math></li> <li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> <li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li> </ul>



<p>- Yêu cầu 2 em lên bảng chia sẻ kết quả, mỗi em làm 2 ý.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh dưới lớp nhận xét.</p> <p>- Đánh giá bài làm từng em.</p> <p><b>Bài 3: TC Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”</b></p> <p>- Giáo viên treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bài tập 3, tổ chức cho 2 đội tham gia chơi, thi điền số thích hợp vào ô trống. Đội nào đúng mà xong trước sẽ thắng cuộc.</p> <p>- Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng MI hoàn thành bài tập</i></p> <p><b>🔗 Bài tập chờ:</b></p> <p><b>Bài tập 4:</b> Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.</p>	<p>- 2 học sinh lên bảng làm:</p> <p><math>0 : 4 = 0</math>      <math>0 : 3 = 0</math>  <math>0 : 2 = 0</math>      <math>0 : 1 = 0</math></p> <p>- Học sinh nhận xét.</p> <p>- Học sinh tham gia chơi.</p> <p>- Học sinh nghe.</p> <p>- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên</p> <p><i>*Dự kiến nội dung báo cáo:</i></p> <p><math>2 : 2 \times 0 = 0</math>      <math>0 : 3 \times 0 = 0</math>  <math>5 : 5 \times 0 = 0</math>      <math>0 : 4 \times 1 = 0</math></p>
<p><b>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)</b></p>	
<p>- Yêu cầu học sinh trả lời nhanh đáp số:</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>24 : 0 \times 5</math>  <math>0 : 5 \times 3</math>  <math>5 \times 5 : 0</math>  <math>4 \times 7 \times 0</math></p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực.</p>	<p>- Dự kiến KQ:</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>24 : 0 \times 5 = 0</math>  <math>0 : 5 \times 3 = 0</math>  <math>5 \times 5 : 0 = 0</math>  <math>4 \times 7 \times 0 = 0</math></p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
<p><b>4. HĐ sáng tạo: (1 phút)</b></p> <p>- Giải bài toán sau:</p> <p>+ <i>Phép nhân có một thừa số là 6, tích là 0. Vậy thừa số còn lại trong phép nhân này là số nào?</i></p> <p>+ <i>Phép chia có số chia là 3, thương bằng 0. Vậy số bị chia trong phép chia này là số nào?</i></p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực.</p> <p>- Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: <b>Luyện tập</b></p>	

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

**KĨ NĂNG SỐNG**

**ÔN TẬP- TỰ BẢO VỆ BẢN THÂN**

.....

**THỦ CÔNG**